TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 13-6-2022
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Ông Lương Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 219/2022/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST – HNGĐ ngày 25/5/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Thị P, sinh năm 1992; đăng ký thường trú: Tổ X, ấp PT, xã PA, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Võ Anh K, sinh năm: 1976; đăng ký thường trú: Tổ X, ấp PT, xã PA, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện ngày 19/3/2022 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, nguyên đơn bà Thị P trình bày:

- Về hôn nhân:

Bà Thị P và ông Võ Anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã PA, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01/2012. Sau khi kết hôn, bà P và ông K sống chung với cha mẹ chồng tại ấp PT, xã PA, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông K cờ bạc gây nợ, nhiều lần bà P

phải trả nợ, mỗi khi ông K uống rượu say về hay gây gổ chửi mắng bà P, thậm chí có lúc xô xát nhau, bà P bị ông K đánh 02 lần. Từ đó, vợ chồng sống không có hạnh phúc, đã vậy gia đình chồng không khuyên giải mà còn chửi mắng bà P làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn và không thể hàn gắn được. Đến khoảng tháng 01 năm 2022 thì vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, bà P dọn ra ngoài thuê trọ để ở, còn ông K thì sống tại nhà của cha mẹ chồng và không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nay bà P xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông K.

- Về con chung:

Bà P khai vợ chồng chung sống có 02 con chung là Võ Thị NA, sinh ngày 19/9/2013 và Võ AK sinh ngày 20/6/2016. Từ lúc vợ chồng không sống chung với nhau thì ông K trực tiếp nuôi cháu Võ Thị NA, còn bà P trực tiếp nuôi cháu Võ AK, ông K và bà P không cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ AK, còn cháu Võ Thị NA giao ông K tiếp tục nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Anh K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông K thống nhất với lời trình bày của bà P về thời điểm chung sống và đăng ký kết hôn.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo ông K, mâu thuẫn vợ chồng không có gì trầm trọng đến mức phải ly hôn. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như bà P trình bày nhưng sự việc đã xảy ra từ rất lâu, ông K cũng đã sửa đổi bản thân và vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, thời gian gần đây bà P thay đổi và đòi ly hôn, ông K nhiều lần khuyên bà P quay về hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà P không đồng ý. Hiện nay, ông K và bà P không còn sống chung nhà, không còn quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau theo nghĩa vợ chồng. Tuy nhiên, ông K rất thương vợ con, mong muốn vợ chồng hàn gắn để lo cho con nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông K và bà P có 02 con chung là Võ Thị NA, sinh ngày 19/9/2013 và Võ AK sinh ngày 20/6/2016. Trường hợp bà P cương quyết xin ly hôn, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà P thì ông K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung, ông K không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa:

- Bà P và ông K giữ nguyên các ý kiến đã trình bày như trên và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Võ Anh K đăng ký thường trú tại: Tổ X, ấp PT, xã PA, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung với bị đơn. Do đó quan hệ tranh chấp được xác định là ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Thị P và ông Võ Anh K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã PA, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông K là hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu, bà P và ông K chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân và đến cuối năm 2021 vợ chồng sống riêng cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của các đượng sự thì hiện nay, bà P và ông K không còn chung sống với nhau như vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng, bà P đã thuê nhà trọ để ở, còn ông K sống tại nhà của cha mẹ ông K. Trong thời gian vợ chồng không sống chung với nhau, ông K có đến gặp bà P nhận lỗi và kêu về chung sống trở lại nhưng bà P không đồng ý. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Phấn và ông K đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa. Khi bà P có đơn yêu cầu ly hôn với ông K, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Xét thấy bà P không còn thiện chí sống chung với ông K nên không cần duy trì cuộc hôn nhân này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông K có 02 con chung tên là Võ Thị NA, sinh ngày 19/9/2013 và Võ AK sinh ngày 20/6/2016. Từ lúc

vợ chồng không sống chung với nhau, cháu Võ Thị NA do ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ AK, ông K và bà P không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ AK, giao cháu Võ Thị NA cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng theo như nguyện vọng của con. Bà P và ông K không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay bà P và ông K đều có chỗ ở hợp pháp, có việc làm và thu nhập ổn định, là người trực tiếp nuôi dạy con chung. Trong thời gian nuôi dưỡng con chung, bà P và ông K đảm bảo tốt nhu cầu về vật chất và tinh thần cho các con chung. Hơn nữa, cháu NA có nguyện vọng được sống cùng với ông K khi bà P và ông K ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà P.

Bà P và ông K đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. không ai được cản trở bà P và ông K trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P và ông K không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P và ông K không tranh chấp nên không đề cập đến.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà P phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị P đối với bị đơn ông Võ Anh K về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Cho bà Thị P và ông Võ Anh K được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao cháu Võ AK sinh ngày 20/6/2016 cho bà Thị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Giao cháu Võ Thị NA, sinh ngày 19/9/2013 cho ông Võ Anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Bà Thị P và ông Võ Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Thị P và ông Võ Anh K có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Thị P, ông Võ Anh K và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà P, ông K trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông K không tranh chấp nên không đề cập đến.

4. Về án phí: Bà Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004919 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã PA, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Nga